TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-9-2024
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Mạnh.

2. Ông Nguyễn Văn Hiển.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn T** - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn C T, xã H M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

** Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bích Ng** - Sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn A L, xã Th L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Anh T có mặt, chị Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn xin ly hôn; Bản tự khai; Nguyên đơn - anh Trần Văn T trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Bích Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã H M huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình ngày 05/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã H M một thời gian ngắn sau đó chuyển về quê chị Ng ở xã Th L, huyện Đông Hưng sinh sống làm ăn. Vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tháng 4/2018 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng anh đã về quê xã H M, huyện Hưng Hà sống ly thân với chị Ng, hai bên không quan tâm đến nhau, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn chị Nguyễn Thị Bích Ng.

Anh và chị Nguyễn Thị Bích Ng có 01 con chung là Trần Thuỳ A, sinh ngày 30/11/2016, hiện nay con chung đang ở với chị Ng. Ly hôn, anh đồng ý để chị Ng nuôi dưỡng con chung, anh cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* *Sau khi thụ lý vụ án:* Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Bích Ng (thông qua gia đình chị Ng) và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, chị Ng đã biết việc anh T xin ly hôn nhưng chị Ng không đến Toà án làm việc và trình bày quan điểm.

* *Biên bản ghi lời khai mẹ chị Nguyễn Thị Bích Ng - bà Nguyễn Thị T trình bày:* Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Bích Ng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã H M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chung thuỷ, bỏ mặc vợ con, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng anh T đuổi chị Ng đi nên chị Ng đã đưa con về sinh sống cùng vợ chồng bà từ năm 2018 đến nay. Từ khi mẹ con chị Ng về ở cùng gia đình bà, anh T không quan tâm hỏi han gì đến vợ con. Nay chị Ng biết anh T xin ly hôn nhưng chị Ng chưa đồng thuận. Anh T và chị Ng có 01 con chung là cháu Trần Thuỳ A, sinh ngày 30/11/2016, cháu Trần Thuỳ A đang sinh sống cùng chị Ng và gia đình bà. Khi anh T làm đơn ly hôn, ông nội cháu Thuỳ A có mang đơn đến để cháu viết xin ở với ai khi bố mẹ ly hôn nhưng gia đình bà không cho cháu Thuỳ A viết đơn. Chị Ng có hộ khẩu thường trú tại Thôn A L xã Th L, huyện Đông Hưng. Chị Ng làm công ty du lịch trên Hà Nội, thỉnh thoảng vẫn về nhà thăm con, khoảng 2 lần/tháng, có tháng không về nhà. Do chị Ng chỉ liên lạc với bà bằng điện thoại nên bà không biết địa chỉ của chị Ng ở đâu. Nhiều năm nay một mình chị Ng nuôi con rất vất vả, anh T không quan tâm chu cấp tiền nuôi con cùng chị Ng, vì vậy nay anh T muốn ly hôn, chị Ng yêu cầu anh T đến nhà gặp chị Ng và gia đình bà để xin lỗi thì chị Ng mới đồng ý ly hôn.

* *Biên bản xác minh tại UBND xã Th L thể hiện*: Chị Nguyễn Thị Bích Ng và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã H M, huyện Hưng Hà. Sau khi kết hôn, anh T và chị Ng sinh sống ở huyện Hưng Hà được một thời gian thì chị Ng đưa con về nhà ngoại ở thôn A L, xã Th L sinh sống cùng bố mẹ từ khoảng

năm 2018 đến nay. Vợ chồng chị Ng, anh T mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Nay anh T xin ly hôn chị Ng, địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T và chị Ng có 01 con chung là Trần Thuỳ A, sinh ngày 30/11/2016, hiện nay cháu Trần Thuỳ A đang sinh sống cùng mẹ và ông bà ngoại ở thôn A L, xã Th L. Chị Ng có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn A L, xã T L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, chị Ng đi làm ăn tự do, thỉnh thoảng có về thăm con và gia đình.

Tại phiên toà anh Trần Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Nguyễn Thị Bích Ng, anh đồng ý để chị Ng nuôi con Trần Thuỳ A, anh cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng và anh không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đảm bảo đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Bích Ng.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Bích Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Thuỳ A, sinh ngày 30/11/2016. Anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9/2024 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng**:

[1] Về thẩm quyền: Anh Trần Văn T đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích Ng - bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Thăng Long, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, tuy chị Nguyễn Thị Bích Ng đi làm ăn nhưng vẫn về cư trú tại địa phương, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Bích Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Bích Ng kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình ngày 05/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung và thiếu sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình. Năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng hai bên đã sống ly thân tự lo liệu cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Nay anh T xin ly hôn, chị Ng không đến Tòa án để tham gia tố tụng trình bày quan điểm, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Bích Ng là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Bích Ng có 01 con chung là cháu Trần Thuỳ A, sinh ngày 30/11/2016. Ly hôn, anh T đồng ý để chị Ng nuôi con, cháu Thuỳ A có nguyện vọng được ở với mẹ và hiện tại chị Ng đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thùy Anh, vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị Ng nuôi dưỡng con chung, anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Anh Trần Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, chị Nguyễn Thị Bích Ng chưa có lời khai trình bày về tài sản và hiện tại vắng mặt nên Tòa án không xem xét. Khi nào các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Bích Ng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Bích Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Thùy Anh, sinh ngày 30/11/2016. Anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9/2024 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tổng là 600.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng anh T nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0003259 ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí. Anh Trần Văn T còn phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Trần Văn T, vắng mặt chị Nguyễn Thị Bích Ng, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND - VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- UBND xã H M, h. Hưng Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Thị Phương Thảo